TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2021/DS-ST
Ngày 02-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1978 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L trình bày:

Ngày 04/12/2016 âm lịch, bà có cho ông Nguyễn Hận vay số tiền 35.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi. Khi vay tiền ông H có viết biên nhận và hứa khoảng thời gian 05 đến 06 tháng sẽ trả lại tiền cho bà. Sau khi viết biên nhận thì ông H đóng lãi cho bà được 06 tháng với tổng số tiền là 14.400.000 đồng. Sau đó ông H không tiếp tục đóng lãi cũng không trả tiền gốc nên bà khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà đồng ý đối trừ phần tiền lãi ông H đã đóng vượt quá lãi suất do pháp luật quy định vào tiền gốc, bà chỉ yêu cầu ông H thanh toán số tiền 24.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông không có mượn mà là hỏi tiền của bà L vào khoảng năm 2014, số tiền hỏi khoảng 10 đến 15 triệu đồng nhưng ông không nhớ cụ thể. Về lãi suất thỏa thuận là 10%, 10 ngày đóng lãi 01 lần, ông không nhớ chính xác số tiền đóng lãi từng lần. Ông đóng lãi được đến tháng 12/2016 thì không đóng nổi nữa nên mới chốt lại còn thiếu bà L tổng cộng 35.000.000 đồng và làm biên nhận cho bà L. Biên nhận do chính ông tự viết, ký tên, không ai ép buộc. Sau khi làm biên nhận đến nay thì ông đã trả bà L được 33.000.000 đồng, trả làm nhiều lần, không nhớ mỗi lần cụ thể bao nhiêu. Trong 08 tháng đầu sau khi làm biên nhận thì trả mỗi tháng 4.000.000 đồng, lần cuối cùng trả 1.000.000 đồng là vào ngày 29 hay 30 Tết Nguyên đán năm 2020. Những lần đóng tiền lãi và trả tiền cho bà L, ông đều không có theo dõi trong sổ sách, không có tài liệu chứng minh. Do ông đã trả cho bà L được 33.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý trả cho bà L 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 24.000.000 đồng. Việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L thấy rằng:

Ngày 04/12/2016 âm lịch, bà có cho ông Nguyễn Hận vay số tiền 35.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, tuy nhiên sau đó bà L xác định ông H có đóng lãi cho bà được 06 tháng bằng 14.400.000 đồng. Tại phiên tòa bà đồng ý đối trừ phần tiền lãi ông H đã đóng vượt quá lãi suất do pháp luật quy định vào tiền gốc, bà chỉ yêu cầu ông H thanh toán số tiền 24.000.000 đồng. Ông H xác định nguồn gốc của số tiền 35.000.000 đồng là do ông hỏi tiền của bà L vào năm 2014, đến năm 2016 không đóng lãi nổi nữa nên ông và bà L mới chốt lại tổng số tiền ông thiếu bà L là 35.000.000 đồng, sau đó ông cũng đã trả cho bà L được 33.000.000 đồng, nay ông chỉ thừa nhận còn thiếu bà L 2.000.000 đồng.

Xét thấy ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông về việc vay tiền của bà L từ năm 2014 có thỏa thuận lãi, quá trình đóng lãi và trả nợ sau khi viết Biên nhận ngày 04/12/2016 âm lịch. Tại phiên hòa giải và phiên tòa, ông H thừa nhận Biên nhận ngày 04/12/2016 âm lịch do chính ông tự viết, ký tên, không ai ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn mà chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn, xác định Biên nhận ngày 04/12/2016 âm lịch giữa bà L với ông H là hợp pháp và có căn cứ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Bà L xác định Biên nhận

ngày 04/12/2016 âm lịch không thỏa thuận việc trả lãi nhưng sau đó ông H có đóng lãi được 06 tháng với số tiền 14.400.000 đồng. Do tiền lãi ông H đã đóng cho bà L cao so với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất phù hợp quy định pháp luật là 1,66%/tháng, đối với số tiền ông H đóng lãi vượt quá lãi suất quy định sẽ được đối trừ vào tiền nợ gốc. Như vậy tiền lãi theo quy định pháp luật trong 06 tháng là 3.486.000 đồng, phần tiền lãi đóng dư trừ vào nợ gốc là 10.914.000 đồng, sau khi đối trừ tiền nợ gốc còn lại là 24.086.000 đồng. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông H trả số tiền 24.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận cụ thể: 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng (chưa nộp). Bà Nguyễn Hồng L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010040 ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý